

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:69/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Bà Phạm Thị Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên
tòa: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.*

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:154/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp TH, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Vi Văn Ng, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp TH, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị với anh Vi Văn Ng chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM, huyện KL, tỉnh Kiên Giang vào năm 2008. Vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Ng không lo làm ăn và thường xuyên uống rượu, thậm chí còn đánh chị. Hiện nay vợ chồng chị không còn sống với nhau. Anh chị có 02 người con chung tên Vi Chí H, sinh ngày 15/3/2007 và Vi Chí Q sinh ngày 27/3/2013, hiện cháu H và cháu Q đều

sống cùng chị. Chị và anh Ng không có tài sản chung và nợ chung. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Ng vì cảm thấy không thể hàn gắn được nữa. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vi Văn Ng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện địa phương xác định anh Ng có hộ khẩu thường trú tại ấp TH, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Cách đây khoảng 06 tháng thì giữa anh Ng và chị N nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến việc chị N bỏ đi về nhà mẹ ruột của chị sống cho đến nay.

Em Vi Chí H trình bày: Từ nhỏ em sống cùng mẹ và được mẹ chăm sóc. Hiện nay em đang học lớp 6 và có cuộc sống ổn định. Khi cha mẹ ly hôn thì em có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Em Vi Chí Q chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai của em.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Vi Văn Ng. Giao cháu Vi Chí H, sinh ngày 15/3/2007 và Vi Chí Q sinh ngày 27/3/2013 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vi Văn Ng được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Chị Trần Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của chị N và anh Ng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Anh, Chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Ng và chị N theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Q hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Vi Văn Ng chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị N và anh

Ng là tự nguyện và hợp pháp. Chị N xác định đã không còn sống chung với anh Ng, chị thật sự không còn tình cảm với anh Ng và không thể hàn gắn được mối Q hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Hiện nay cháu Vi Chí H, sinh ngày 15/3/2007 và Vi Chí Q sinh ngày 27/3/2013 đang sống với chị Trần Thị N, các cháu có cuộc sống ổn định, riêng cháu H cũng có lời trình bày thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu H và Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nhằm đảm bảo sự ổn định về môi trường sống cũng như đảm bảo về sự phát triển bình thường về mặt thể chất cũng như tinh thần cho các cháu. Anh Vi Văn Ng có quyền, Ng vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị N xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Vi Văn Ng.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Chí H, sinh ngày 15/3/2007 và Vi Chí Q sinh ngày 27/3/2013 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vi Văn Ng có quyền, Ng vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Nphải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003573 ngày 23/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ Q THA huyện ĐH;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm